

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai
Chương: 412

Mẫu biểu số 73

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày / 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
				Chi cục Kiểm lâm	Ban quản lý rừng phòng hộ Gia lai
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-5.889.431.029	-5.889.431.029	-8.400.000	-5.881.031.029
	Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-5.889.431.029	-5.889.431.029	-8.400.000	-5.881.031.029
1	Chi sự nghiệp kinh tế (280-282)	-5.889.431.029	-5.889.431.029	-8.400.000	-5.881.031.029
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-5.889.431.029	-5.889.431.029	-8.400.000	-5.881.031.029
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị	-5.881.031.029	-5.881.031.029	0	-5.881.031.029
	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	-5.881.031.029	-5.881.031.029	0	-5.881.031.029
	Loại 280 - Khoản 282; Mã CTMT: 10513; Mã dự phòng: 015	-5.880.755.629	-5.880.755.629		-5.880.755.629
	Loại 280 - Khoản 282; Mã CTMT: 20513; Mã dự phòng: 025	-275.400	-275.400	0	-275.400
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	-8.400.000	-8.400.000	-8.400.000	0
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	-8.400.000	-8.400.000	-8.400.000	0
	Loại 280 - Khoản 282; Mã CTMT: 10521; Mã dự phòng: 015	-4.400.000	-4.400.000	-4.400.000	
	Loại 280 - Khoản 282; Mã CTMT: 20521; Mã dự phòng: 025	-4.000.000	-4.000.000	-4.000.000	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
				Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai	Chi cục Thủy lợi
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026	0	0	-1.800.000.000	1.800.000.000
1	Chi sự nghiệp Khoa học, Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Loại 100)	-1.800.000.000	-1.800.000.000	-1.800.000.000	0
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-1.800.000.000	-1.800.000.000	-1.800.000.000	0
	Các nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo	0	0	0	0
	+ <i>Kinh phí nghiên cứu tích hợp công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo trong giám sát, cảnh báo lũ theo thời gian thực lưu vực sông Lại Giang</i>	<i>-1.800.000.000</i>	<i>-1.800.000.000</i>	<i>-1.800.000.000</i>	<i>0</i>
2	Chi sự nghiệp Khoa học, Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Loại 100 - Khoản 123)	1.800.000.000	1.800.000.000	0	1.800.000.000
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0			0
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.800.000.000	1.800.000.000	0	1.800.000.000
	Các nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo	1.800.000.000	1.800.000.000	0	1.800.000.000
	+ <i>Xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định trên nền tảng công nghệ IoT và trí tuệ nhân tạo vào giám sát ngập lụt và cảnh báo lũ theo thời gian thực cho lưu vực sông Lại Giang</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>0</i>	<i>1.800.000.000</i>

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày /9/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai)

TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị sử dụng ngân sách
				Chi cục Kiểm lâm
	ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026	0	0	0
I	CHI SỰ NGHIỆP	0	0	0
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
1	Chi sự nghiệp Lâm nghiệp (Loại 280 - Khoản 282)	0	0	0
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
	- Các nhiệm vụ, nghiệp vụ kiểm lâm: Phòng cháy chữa cháy rừng; tuyên truyền, bảo vệ rừng; theo dõi diễn biến rừng, phòng chống dịch, quản lý bảo vệ rừng theo, dõi diễn biến tài nguyên rừng, chi hoạt động bảo tồn thiên nhiên; Hợp đồng kiểm lâm địa bàn xã; Hợp đồng bảo vệ rừng, Nhiệm vụ hoạt động của thành viên Khu dự trữ sinh quyển thế giới cao nguyên Kon Hà Nừng,...	-878.920.209	-878.920.209	-878.920.209
	+ Chi hoạt động Kiểm lâm địa bàn	-878.920.209	-878.920.209	-878.920.209
	- Kinh phí thực hiện Dự án điều tra, kiểm kê rừng tỉnh Gia Lai năm 2024-2025	-867.372.102	-867.372.102	-867.372.102
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng Khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	1.746.292.311	1.746.292.311	1.746.292.311